

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, BIẾN CHUYỂN VÀ NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA KINH TẾ HÀNG HÓA THĂNG LONG - HÀ NỘI GIAI ĐOẠN TRƯỚC CẬN ĐẠI

NGUYỄN QUANG NGỌC*
NGUYỄN THỪA HỖ**

Trong tất cả các yếu tố tạo thành đô thị, yếu tố kinh tế bao giờ cũng là yếu tố quan trọng nhất. Trong kết cấu nền kinh tế đô thị, dù là loại hình đô thị nào, thuộc thời kỳ Cổ - Trung đại hay Cận - Hiện đại thì thành phần kinh tế hàng hóa vẫn giữ vai trò chi phối. Chính vì thế mà tiêu chí đầu tiên để nhận diện và đánh giá về đô thị và một nền kinh tế đô thị, không thể khác là các hoạt động sản xuất và trao đổi hàng hóa diễn ra trên đô thị đó.

Bài viết này thông qua việc giới thiệu quá trình hình thành, phát triển và biến chuyển của nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội tính từ khi Lý Thái Tổ định đô Thăng Long cho đến khi Hà Nội trở thành thành phố nhượng địa của thực dân Pháp để có cơ sở nhìn nhận, đánh giá, tìm ra những nét đặc trưng của nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội giai đoạn trước thời Cận đại. Những yếu tố kinh tế này đã góp phần định hình, định dạng đô thị Thăng Long - Hà Nội Trung đại, quy

định nhiều mặt của đô thị Hà Nội Cận đại và vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa đô thị Hà Nội ngày nay.

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ BIẾN CHUYỂN CỦA KINH TẾ HÀNG HÓA THĂNG LONG - HÀ NỘI ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIX

1. Thời kỳ trước định đô Thăng Long

Vùng Hà Nội đã bắt đầu có cuộc sống con người từ Hậu kỳ thời đại Đá cũ, được khai phá trong thời đại Đồng thau và trở thành trung tâm chính trị và phần nào là trung tâm kinh tế, văn hóa của thời đại dựng nước với Kinh đô Cổ Loa của Nhà nước Âu Lạc. Trong thời kỳ Bắc thuộc, Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh) được các chính quyền đô hộ từ đời Đông Hán đầu Công nguyên cho đến nhà Lương giữa thế kỷ VI chọn đặt làm trị sở. Hai Bà Trưng năm 40-43 đầu Công nguyên nổi dậy đánh đổ chính quyền đô hộ Đông Hán, xưng

* PGS.TS. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển.

** PGS.TS. Đại học Quốc gia Hà Nội.

vương, đóng đô tại quê nhà (vùng Hạ Lôi, Mê Linh, Vĩnh Phúc). Bắt đầu từ năm 544, sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa dân tộc, Lý Bí dựng nước Vạn Xuân và chọn khu vực nội thành Hà Nội hiện nay làm đất đóng đô. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử vùng nội thành Hà Nội trở thành trung tâm chính trị của đất nước, xác lập vị thế hơn hẳn của nó so với tất cả các khu vực đã từng được lựa chọn làm kinh đô trước đây.

Sau khi đánh tan nhà nước Vạn Xuân, nhà Tùy từ đầu thế kỷ VII quyết định đưa trị sở của chính quyền đô hộ về đất Tống Bình. Thành Tống Bình và tiếp sau đó là thành Đại La trở thành dinh lũy của các chính quyền đô hộ Tùy, Đường. Ở vào vị trí trung tâm châu thổ sông Hồng, nơi hội tụ và tỏa rộng của các tuyến giao thông thủy bộ, lại có quá trình phát triển lâu dài, đặc biệt là nửa cuối của thiên niên kỷ thứ nhất, khu vực thành Tống Bình - Đại La đã dần dần trở thành trung tâm lớn nhất và quan trọng nhất của cả nước. Nơi đây bên cạnh một hệ thống thành lũy lớn cũng đã dần dần hình thành một đô thị tập trung với khoảng 15 vạn dân, trên 5 nghìn gian nhà và đã có dáng dấp của một trung tâm kinh tế trù phú.

Đầu thế kỷ X, họ Khúc, họ Dương vươn dậy giành quyền tự chủ cũng đều đóng đô ở thành Đại La. Ngô Quyền sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938, chấm dứt hoàn toàn hơn 1000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, quyết định xưng vương và đóng đô ở Cổ Loa là để tỏ ý tiếp nối sự nghiệp của An Dương Vương. Nhà Đinh và nhà Tiền Lê không tiếp tục đóng đô ở Cổ Loa, cũng không chọn Đại La mà trở về đóng đô Hoa Lư. Như thế, vào cuối thế kỷ X và thập kỷ đầu của thế kỷ XI, có đến hơn 70 năm liên tục Đại La không được chọn làm kinh đô nữa, nhưng

vùng đất này không vì thế mà suy giảm vị thế trung tâm bờ cõi.

2. Thời kỳ từ định đô Thăng Long đến đầu thế kỷ XVI

Lý Thái Tổ sáng lập vương triều Lý, đảm nhận sứ mệnh xây dựng đất nước trên quy mô lớn, đẩy mạnh phát triển kinh tế, mở mang văn hóa, "tính kế cho muôn vạn đời", không thể không chọn đóng đô ở khu vực thành Đại La. Khu vực thành Đại La khi đó là nơi duy nhất trong cả nước hội đủ được tất cả các tiêu chí thủ đô của một quốc gia thống nhất và thịnh vượng. Thành Đại La, dưới mắt Lý Thái Tổ: "Ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước", là "thắng địa", nơi "muôn vật hết sức tươi tốt, phồn thịnh", "chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương", "nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời" (1).

Điều kiện tự nhiên và lịch sử, cùng với quyết định sáng suốt của Lý Thái Tổ đã đưa Đại La - Thăng Long lên thành khu vực có vị thế trội vượt để phát triển đô thị, phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế hàng hóa.

Bắt đầu từ khi nhà Lý định đô Thăng Long, cùng với việc triển khai xây dựng tổng thể, trên quy mô lớn các cung điện, chùa, đền, thành quách là việc mở mang chợ búa, bến cảng, phường thủ công, phố xá..., khiến bộ mặt đô thị Thăng Long thay đổi hẳn so với trước.

Tại các cửa thành Thăng Long, hệ thống chợ dần dần ra đời và sầm uất. Đây là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi trực tiếp giữa bộ phận thành và bộ phận thị, cũng là nơi tập trung các hoạt động buôn bán ở kinh thành. Hai chợ đầu tiên và lớn nhất ở ngay phía ngoài hai cửa thành Thăng Long

thời Lý là chợ Đông (hay chợ Cửa Đông) và chợ Tây (hay chợ Tây Nhai).

Cửa Đông thành Thăng Long xưa mở ra khu trung tâm của phố cổ Hà Nội bây giờ, với nhiều phường, phố, chợ, bến, trên bến dưới thuyền, buôn bán tấp nập. Ngoài chợ cửa Đông có thể kể đến bến Giang Khẩu (bến cảng ở cửa sông Tô Lịch), phường Giang Khẩu và ngược lên phía dốc Hồ Nhai là bến cảng Triều Đông (hay bến Đông Bộ Đầu). Cửa Tây thành Thăng Long mở ra khu vực Thủ Lệ, Cầu Giấy hiện nay. Khu vực Cầu Giấy cùng với Bưởi và phụ cận bên Hồ Tây, hồ Trúc Bạch ở phía ngoài cửa Bắc, không chỉ là trung tâm làm giấy lâu đời mà còn là vùng có các nghề dệt lĩn, dệt vải rất nổi tiếng. Cũng ở phía Tây Thăng Long không thể không nói đến phường Công Bộ là phường chuyên dệt vải từ thời Lý. Thành hoàng phường Công Bộ là bà Thụ La tức là bà chúa vải lụa của Thăng Long. Phải thừa nhận một thực tế là Thăng Long ngay từ thời Lý đã trở thành trung tâm sản xuất và mua bán vải lụa lớn nhất cả nước.

Dưới thời Lý, Nhà nước cũng đã bắt đầu xây dựng nhiều xưởng thủ công lớn như các xưởng đúc tiền, đóng thuyền, làm vũ khí, đóng gạch ngói, làm xe, kiệu, làm đồ gốm ngự dụng... ở Thăng Long. Tuy nhiên, sản phẩm được sản xuất ra ở các công xưởng của nhà nước chủ yếu lại phục vụ cho đời sống cung đình hay được đưa về các công trường xây dựng của nhà nước mà rất ít được đưa ra thị trường trở thành hàng hóa. Sức sống của đô thị Thăng Long với tư cách là trung tâm sản xuất thủ công nghiệp và buôn bán trao đổi hàng hóa với các mặt hàng hay nghề nghiệp chính là dệt - nhuộm, gốm - sứ, giấy, đồ trang sức - mỹ nghệ, đúc đồng, rèn sắt, mộc, nề... được quy

tụ lại ở các phố, phường nằm ngoài các cửa thành phía Đông, phía Bắc và phía Tây, trong đó tập trung nhất là các phố phường ở cửa thành phía Đông.

Sang thời Trần, năm 1230 nhà Trần cho hoạch định lại các phường của Thăng Long, chia đặt 61 phường ở hai bên tả, hữu kinh thành. Đó là các phường An Hoa, Cơ Xá, Hạc Kiều, Giang Khẩu, Các Đài, Nhai Tuân, Tây Nhai, Phục Cổ, Toán Viên... Các phường được mở mang thêm và quy hoạch chặt chẽ hơn. Bến Đông Bộ Đầu trở thành bến cảng quan trọng nhất trên sông Hồng của Thăng Long thời Trần, vừa là quân cảng, vừa là cảng dân sự chính, vừa là nơi sinh hoạt văn hóa của kinh thành.

Do sự phát triển của thành thị Thăng Long mà một số làng ven đô cũng chuyển dần sang các hoạt động công thương nghiệp và hình thành những làng thủ công tiêu biểu. Làng gốm Bát Tràng (Gia Lâm) bên cạnh bờ sông Hồng được hình thành từ thời Lý, đến đây đã trở thành một trung tâm sản xuất gốm lớn phục vụ cho các nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu. Một số vương hầu cũng lập phủ đệ và thái ấp ở xung quanh kinh thành như Trần Quang Triều ở Gia Lâm, Trần Khát Chân ở Hoàng Mai. Nét đặc biệt là vào thời Trần đã có khá nhiều thương khách và cư dân nước ngoài đến làm ăn, buôn bán và cư trú tại Thăng Long như người Hoa, người Hồi Hột, người Chà Và.

Tầng lớp thị dân ở Thăng Long thời Trần đã chiếm tỷ lệ khá đông và lối sống thị dân đã được đưa vào các sinh hoạt bình thường ở phường phố, thậm chí lối sống đó còn ảnh hưởng đến cả sinh hoạt cung đình như vua Trần Anh Tông thích lén đi chơi phố vào ban đêm, có lần bị "bọn vô lại" ném gạch trúng đầu, hay vua Trần Dụ Tông mời

nhà giàu ở Đình Bảng, Nga Đình vào cung đánh bạc.

Sang thời Lê, khu phố phường dân cư ngoài Hoàng thành vẫn tiếp tục phát triển. Năm 1466, vùng kinh sư được đặt thành phủ Trung Đô (đến năm 1469 đổi gọi là phủ Phụng Thiên) gồm 2 huyện Quảng Đức và Vĩnh Xương, mỗi huyện có 18 phường, tổng cộng là 36 phường. Hà Nội 36 phố phường bắt đầu có từ thời kỳ này. Đó là các phường Tàng Kiếm, Yên Thái, Thụy Chương, Nghi Tàm, Hà Tân, Hàng Đào, Tả Nhất, Đường Nhân, Thịnh Quang... Số người ở các nơi đổ về Đông Kinh buôn bán ngày càng nhiều khiến cho bộ mặt phố phường, chợ bến càng thêm đông đúc nhộn nhịp. Sự tăng nhanh của thành phần cư dân buôn bán ở Kinh thành Thăng Long đã thực sự trở thành mối lo cho triều đình nhà Lê và chính quyền phủ Phụng Thiên. Trong thực tế, nhà Lê đã tìm nhiều biện pháp ngăn chặn sự gia tăng dân số của Đông Kinh, hạn chế các hoạt động sản xuất và trao đổi hàng hóa ở kinh đô, nhưng chỉ bằng các biện pháp hành chính, triều đình nhà Lê khó có thể làm thay đổi được xu thế phát triển của một thành thị đã trưởng thành.

3. Thời kỳ từ đầu thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII

Giai đoạn từ đầu thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII mà đỉnh cao là thế kỷ XVII, là thời kỳ phát triển thịnh đạt, năng động nhất của nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Kẻ Chợ. Từ nhiều thế kỷ trước, Thăng Long đã có vị thế của một kinh kỳ, nơi tập kết các nguồn hàng hóa, tài nguyên thiên nhiên, các nguồn nhân lực và vật lực. Những chuyển biến kinh tế xã hội trong nước (sự phát triển của ruộng đất tư hữu, của các làng nghề cũng như mạng lưới chợ)

và ngoài nước (sự tiếp xúc, giao lưu với các tuyến buôn bán quốc tế ở Biển Đông và hệ thống mậu dịch châu Á) đã thúc đẩy nhanh hơn sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa - tiền tệ thị trường.

Thời kỳ này, tuy về chính trị Thăng Long có nhiều biến động, nhưng dưới góc độ kinh tế - xã hội thì thành thị Thăng Long tiếp tục phát triển đạt đến độ phồn vinh, trở thành thành thị Trung đại tiêu biểu nhất, không chỉ đứng đầu toàn khu vực Đông Nam Á mà trên phạm vi cả nước, thậm chí trong khu vực Đông Nam Á.

Lúc này, Thăng Long còn có tên là "Kẻ Chợ", mà có thương nhân phương Tây cho rằng nó không thua kém Vơ-ni-dơ (Italia) hay Paris (Pháp) với số dân khoảng trên dưới một triệu người và 2 vạn nóc nhà. Ở Thăng Long lúc này có đủ các thành phần kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp, trong đó hoạt động công thương nghiệp đã giữ vai trò chi phối.

Tại Thăng Long, trải qua hơn nửa thiên niên kỷ phát triển đến đây đã định hình 2 khu vực sản xuất và trao đổi hàng hóa chính là khu vực phía Bắc và khu vực phía Đông Hoàng thành với những nét đặc trưng của mỗi khu vực. Khu vực phía Bắc có hồ Trúc Bạch và Hồ Tây rộng lớn, có sông Tô Lịch chạy dài, rất thuận lợi cho các nghề thủ công và hoạt động buôn bán trao đổi đòi hỏi một diện trường rộng. Nhiều nghề thủ công và buôn bán vốn có từ trước, nay được mở mang thêm như các nghề dệt lụa ở Trúc Bạch, Yên Thái, Bái Ân; nghề dệt gấm và lĩnh Trích Sài, nghề nhuộm thâm Vống Thị, giấy lệnh Yên Thái, giấy sắc Nghĩa Đô, đúc đồng Ngũ Xã... Khu vực phía Đông là nơi có nhiều nghề thủ công phong phú, đa dạng, nằm xen lẫn trong khu phố xá buôn bán. Chợ, bến, phố xá,

hàng hóa chống chất, ken dây và kéo dài ra đến bờ sông Hồng. Khu vực này trước sau vẫn là khu buôn bán đông vui, tấp nập nhất của Thăng Long - Kẻ Chợ. Tại đây, ở thế kỷ XVII, người Hà Lan và người Anh được chính quyền Lê - Trịnh cho phép đã xây dựng các thương điểm vừa làm cơ sở đại diện thương mại, vừa làm kho chứa hàng và là nơi trực tiếp nhập hàng và xuất hàng của các Công ty Đông Ấn (Hà Lan và Anh).

Thăng Long lúc này có khoảng 30 nghề thủ công cổ truyền như các nghề nhuộm, thêu, mộc, tiện, sơn, khảm xà cừ, khắc ván in, làm quạt, làm đồ mây tre, làm đồ da, rèn sắt, làm đồ vàng bạc, đồ mỹ nghệ, nghề vàng mã, làm hương nến, các nghề chế biến thực phẩm... Những nghề thủ công này quy mô sản xuất nhỏ nhưng đòi hỏi kỹ thuật tinh xảo và phần nhiều mới được đưa vào từ các làng thủ công nghiệp từ các trấn ngoài thành. Nét đặc biệt nữa là những người thợ thủ công và buôn bán thậm chí được sinh ra tại Thăng Long, đã trải nhiều đời làm ăn, buôn bán tại Thăng Long mà vẫn giữ quan hệ mật thiết với làng quê gốc, thậm chí cuộc sống vật chất, tinh thần và cả nghề nghiệp của họ vẫn còn chịu sự ràng buộc chặt chẽ bởi làng quê gốc.

4. Thời kỳ từ đầu thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX

Bắt đầu từ thập kỷ 30 của thế kỷ XVIII, trong bối cảnh khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam, đô thị Thăng Long - Kẻ Chợ, cả phần thành và phần thị cũng đều suy thoái dần. Lúc này do toàn bộ nền sản xuất nông nghiệp bị đình đốn, nông dân bị phá sản, lưu vong hàng loạt từ khắp các nơi đổ xô về Thăng Long kiếm sống một cách tuyệt vọng. Thương nhân, thợ thủ công ở Thăng Long không chỉ mất đi cơ sở phát triển được đặt cược ở nông thôn, nông

ngiệp, mà tại thành phố họ cũng nhanh chóng bị đẩy vào tình trạng bần cùng và phá sản. Hậu quả của cuộc khủng hoảng phong kiến đối với đô thị Thăng Long nặng nề và căng thẳng hơn rất nhiều so với bất cứ một đô thị hay vùng nông thôn nào trong nước.

Phong trào nông dân Tây Sơn với các chính sách kinh tế tài chính có nhiều tiến bộ của Quang Trung đã thổi vào cuộc sống đô thị Thăng Long một sức sống mới. Tuy nhiên, sự hồi sinh này của cuộc sống sản xuất và lưu thông hàng hóa ở Thăng Long - Kẻ Chợ mới chỉ như cơn gió thoảng qua. Sau sự ra đi đột ngột của Quang Trung, triều Tây Sơn suy bại nhanh chóng, tình hình kinh tế hàng hóa và đô thị Thăng Long lại hầu như không hề được cải thiện.

Sang thời Nguyễn, Thăng Long trở thành thủ phủ của 11 trấn Bắc Thành, rồi bị hạ xuống thành tỉnh thành Hà Nội. Hà Nội có xu hướng nông thôn hóa với các tổng, trại, thôn, phường mang nặng cơ cấu tổ chức nông nghiệp và thủ công nghiệp, tuy nhiên, nó vẫn là một trung tâm kinh tế và văn hóa lớn nhất nước, xứng đáng là "trái tim của vương quốc".

Trong khi vẻ huy hoàng của phần thành đô giảm đi rõ rệt, thì khu vực chợ phố buôn bán sầm uất trước đây lại không bị ảnh hưởng nhiều. Theo đà phát triển của những thế kỷ trước, các hoạt động buôn bán của khu vực này vẫn sôi động. Kinh tế hàng hóa dịch vụ vẫn duy trì nhịp điệu phát triển vốn có của nó và ở một mức độ có khi còn cao hơn. Quy mô sản xuất lớn hơn (nhất là ở những nghề sản xuất thủ công hàng loạt như gốm sứ, làm giấy), khối lượng hàng hóa nhiều hơn, chủng loại cũng có phần phong phú hơn. Do sự tích lũy kinh nghiệm lâu dài và những tiến bộ kỹ thuật nội tại, cũng như sự trao đổi, chuyển giao

công nghệ với các nước láng giềng, chất lượng và kỹ thuật hàng hóa cũng được cải thiện rõ rệt. Những người ngoại quốc đến Hà Nội thời kỳ này đều khẳng định tay nghề điêu luyện và chất lượng sản phẩm thủ công của Hà Nội không thua kém những hàng hóa cùng loại của các nước trong khu vực.

Trong điều kiện đất nước thống nhất, sự tiến bộ về hệ thống giao thông liên lạc đường thủy và đường bộ, thị trường trao đổi hàng hóa giữa Hà Nội và các vùng miền ngày càng mở rộng, vươn tới một thị trường toàn quốc. Những sản phẩm hàng hóa của Hà Nội đã có mặt trên các thị trường ở các tỉnh miền Trung (như giấy Bưởi) hoặc trong các công trường xây dựng ở Kinh thành Huế (như gạch Bát Tràng)... Một số thợ giỏi của Hà Nội (như các thợ đúc đồng, thợ khảm) của Hà Nội đã được trưng tập vào Huế và tận Sài Gòn để hướng dẫn dạy nghề cho đông đảo thợ thuyền sở tại, điều đó chứng tỏ uy tín cao của nguồn nhân lực hiếm quý của Thăng Long - Hà Nội.

Việc buôn bán với nước ngoài - lúc này là thị trường Trung Quốc - tuy bị giới thương nhân Hoa kiều nắm giữ và lũng đoạn - cũng đã kích thích nền kinh tế hàng hóa đô thị Hà Nội. Sự kiện có tới 9/10 số kén tằm của các làng dệt vùng Hà Nội, và một khối lượng lớn các tấm vải lụa được đưa sang Trung Quốc, gia công chút ít rồi tái xuất trở lại Việt Nam, đã nói lên quy mô của việc buôn bán giữa hai nước và chất lượng uy tín của hàng hóa Hà Nội.

II. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA KINH TẾ HÀNG HÓA THĂNG LONG - HÀ NỘI GIAI ĐOẠN TRƯỚC CẬN ĐẠI

1. Kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội được hình thành sớm, có lịch sử

phát triển lâu dài và liên tục suốt thời Trung đại

Nói kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội hình thành sớm vì xét về mặt thời gian nó được hình thành cùng với sự kiện định đô Thăng Long cách đây gần tròn một thiên niên kỷ mà vẫn duy trì được nhịp điệu phát triển cho đến cuối thời Trung đại và đến tận ngày nay; xét về mặt cấu trúc nó có phần đi trước vì trên thế giới hầu như không có những trung tâm sản xuất và trao đổi hàng hóa lớn ra đời vào thời kỳ hình thành và xác lập của chế độ phong kiến.

Thế kỷ XI, khi ở Việt Nam chế độ phong kiến mới bắt đầu có dấu hiệu ra đời, thì ở trên thế giới, nhất là ở Tây Âu, chế độ phong kiến đã đạt đến mức phát triển đầy đủ và thống trị rộng khắp. Đây là thời kỳ Trung đại cổ điển với 4 đặc trưng nổi bật là tình trạng phân tán phong kiến, nông dân bị nông nô hóa tuyệt đối và phụ thuộc nặng nề vào lãnh chúa phong kiến, sự hình thành kết cấu đẳng cấp có tính chất phổ biến trong quan hệ sở hữu cũng như trong xã hội và sự hưng thịnh của thành thị. Ở Việt Nam, xu thế hình thành chế độ phong kiến mà nội dung chủ yếu là quá trình chuyển dần công xã nông thôn thành làng phong kiến thật ra cũng chỉ mới bắt đầu bộc lộ rõ từ thời Lý, trải qua các thời Trần, Lê, cho đến đời vua Lê Thánh Tông vào những thập kỷ cuối của thế kỷ XV mới thực sự được xác lập. Thăng Long được sinh thành trong quá trình hình thành và xác lập của chế độ phong kiến Việt Nam, trong bối cảnh xuất hiện và hưng thịnh của loại hình đô thị phong kiến trên phạm vi toàn thế giới, bản thân nó vừa chịu những tác động của quy luật phát triển và biến đổi chung của lịch sử, vừa vận hành trên nền tảng kinh tế, xã hội và văn hóa đã sản sinh

ra nó và biến chuyển song hành cùng với nó.

Tuy Thăng Long - Hà Nội không phải lúc nào cũng giữ được vị trí là trung tâm chính trị của đất nước và thậm chí ngay trong khi là kinh đô thì phần “đô” cũng có lúc bị thu hẹp và điều tàn, nhưng phần thị gần 9 thế kỷ, tính từ đầu thế kỷ XI cho đến cuối thế kỷ XIX, chưa bao giờ suy giảm vị trí.

Nhà Tây Sơn không đóng đô ở Thăng Long nhưng xem ra kinh tế hàng hóa ở Thăng Long lại có phần sôi động hơn khi đang là kinh đô dưới thời Lê - Trịnh (2).

Sang thời kỳ nhà Nguyễn thế kỷ XIX, sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa thị trường Hà Nội bất chấp những khó khăn, trở ngại đã chứng tỏ đó là một xu thế lịch sử không thể đảo ngược được trong giai đoạn Hậu kỳ Trung đại, khi mà những yếu tố kinh tế ngoài phong kiến ngày càng lớn mạnh và chịu nhiều tác động của hoàn cảnh khu vực và quốc tế, đối với Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung.

2. Kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội chủ yếu được hình thành trên cơ sở khai thác, tiếp thu, tổng hợp và nâng cao nền kinh tế hàng hóa làng xã vùng châu thổ sông Hồng. Trong quá trình phát triển, nó luôn gắn bó hữu cơ với các làng, phường ở nông thôn đã sản sinh ra nó

Xã hội Việt Nam truyền thống dưới các vương triều phong kiến, nền kinh tế chủ đạo là nông nghiệp trồng lúa nước, mang nặng tính chất tự cấp tự túc trong khuôn khổ cộng đồng các làng xã. Cũng ngay từ rất sớm trong nội bộ làng xã đã xuất hiện phương thức sản xuất và trao đổi hàng hóa sơ khai trong các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp gia đình và đưa vào lưu thông qua

hệ thống chợ làng. Điều này rất khác so với nền kinh tế hàng hóa ở Tây Âu thời Trung đại, vì ở đó, trong giai đoạn phong kiến sơ kỳ, cát cứ, các lãnh địa của các lãnh chúa ở nông thôn hầu như không có nền kinh tế hàng hoá, không có trao đổi, mua bán. Nền kinh tế hàng hoá Tây Âu Trung đại chỉ thực sự bắt đầu xuất hiện với sự ra đời các thành thị Trung đại của các giai tầng thợ thủ công và thương nhân.

Chế độ phong kiến Việt Nam là một chế độ phong kiến tập quyền quan liêu, quyền hành thống trị trong cả nước và bản thân có những nhu cầu lưu thông, trao đổi sản phẩm hàng hóa. Mặt khác, kinh tế hàng hóa trước hết có từ nông thôn làng xã, trong một nền kinh tế nông nghiệp gắn chặt với thủ công nghiệp và thương nghiệp. Làng xã phong kiến Việt Nam mới thoát thai từ công xã nông thôn, mang nặng yếu tố tự trị, tự quản, nhưng hoàn toàn không phải là những lãnh địa phong kiến biệt lập. Người nông dân trong quá trình vươn tới một mô hình tự cấp tự túc, không thể không tham gia vào các hoạt động sản xuất thủ công nghiệp và trao đổi sản phẩm trên thị trường, thành thử họ là nông dân mà cũng đồng thời là thợ thủ công và thương nhân. Hoạt động sản xuất và trao đổi hàng hóa của nông dân lúc đầu trên quy mô làng, rồi dần dần mở rộng thành quy mô liên làng, vùng, liên vùng... Xuất phát từ khu vực nông thôn, làng xã, nền kinh tế hàng hoá được chuyển vào đô thị. Kinh tế hàng hóa đô thị Thăng Long được hình thành và phát triển trong bối cảnh như thế, nó không thể không gắn bó một cách hữu cơ với các làng phường ở nông thôn đã sản sinh ra nó.

Hầu như tất cả các làng thủ công nghiệp và buôn bán nổi tiếng trong khu vực châu thổ sông Hồng đều có quan hệ với Thăng

Long và các phường thủ công nghiệp chuyên nghiệp ở Thăng Long tuy đã được tổ chức chặt chẽ, tồn tại lâu dài và sản xuất ra một khối lượng hàng hóa lớn, nhưng sức sống của nó vẫn còn phụ thuộc vào các làng chuyên thủ công nghiệp ở nông thôn. Có thể nói trong suốt quá trình hình thành và phát triển, nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội không những không tách rời, không thoát ly ra khỏi các làng thủ công nghiệp và buôn bán ở nông thôn, mà trái lại còn có xu hướng gắn bó chặt hơn vào các làng xã này, nhất là các làng xã thuộc tứ trấn vùng châu thổ sông Hồng.

3. Nền kinh tế hàng hóa đã tác động đến đời sống đô thị Thăng Long - Hà Nội trên tất cả các lĩnh vực, biến Thăng Long - Hà Nội trở thành đô thị Trung đại lớn nhất và tiêu biểu nhất của Việt Nam

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, kinh tế hàng hóa đã có những tác động nhiều mặt tới đô thị Thăng Long - Hà Nội. Nó làm thay đổi bộ mặt đô thị, trong đó sâu sắc nhất chính là nó đã làm chuyển biến Thăng Long từ một đô thành nặng về chính trị, quan liêu sang một đô thị đậm tố chất kinh tế dân gian.

Thành Thăng Long (bao gồm cả Cấm thành và Hoàng thành) có khi được mở rộng, có khi bị thu hẹp, nhưng trên cơ bản vẫn duy trì trên phạm vi đã được hoạch định từ thời định đô và khu trung tâm hầu như không có sự thay đổi, thậm chí cho đến thời Nguyễn, khi nó chỉ còn là tỉnh thành. Vị trí, vai trò của khu trung tâm chính trị còn tùy thuộc vào các vương triều, nhưng trên đại thể có thể hình dung khuynh hướng tăng dần từ nhà Lý qua nhà Trần đến đỉnh cao là nhà Lê và giảm dần từ nhà Mạc cho đến nhà Nguyễn. Trong khi đó, khu chợ phố “36 phố phường” bắt đầu được

hình thành từ thời Lý, Trần, định hình vào thời Lê, đặc biệt sôi động trong các thế kỷ XVI, XVII và đến thế kỷ XIX vẫn còn giữ được vị trí của một trung tâm sản xuất và trao đổi hàng hóa hàng đầu đất nước.

Kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội cũng đã làm thay đổi kết cấu dân cư và quan hệ đẳng cấp trong đô thị, hình thành một khối cư dân đô thị đa thành phần. Đẳng cấp quan liêu quý tộc là tầng lớp thống trị về chính trị và những gia đình thương nhân khá giả là tầng lớp thống trị về kinh tế. Hai giai tầng này - tuy trên lý thuyết vẫn có sự ngăn cách đẳng cấp quan dân - nhưng trong thực tế đã tìm cách xích lại gần nhau. Đông đảo bình dân bao gồm những thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ là quần chúng bị trị. Họ là những thần dân bị áp bức, bóc lột, tuy nhiên đời sống có phần được cải thiện so với nông dân làng xã. Ở đây, kinh tế hàng hóa đã phần nào tạo nên thế ổn định và xoa dịu đi những mâu thuẫn xã hội.

Kinh tế hàng hóa cũng đã làm thay đổi nếp sống và tâm thức văn hóa của những người dân Thăng Long. Một lối sống quý phái, vương giả, trọng những sản phẩm chất lượng cao và những trò tiêu khiển đài các đã được cả các giới quan liêu và giới trưởng giả chấp nhận, hưởng ứng. Một tâm lý trọng lợi, mưu lợi, thực dụng, hưởng lạc theo kiểu thời “kinh tế thị trường”, đôi khi dẫn đến việc băng hoại những chuẩn mực, giá trị đạo đức truyền thống. Tuy nhiên, ở một mặt khác, đời sống tinh thần đô thị cũng có phần nào được nâng lên, không khí đô thị có phần nào “dân chủ”, bình đẳng hơn các khu vực khác. Một đợt sóng văn hóa mới, mang tính chất thị dân, khai phóng và giàu chất nhân văn cũng đã được thổi dấy, với sự phục hồi của những tôn giáo tín ngưỡng phi chính thống cùng với

nền văn hóa bình dân trong nghệ thuật cũng như trong dòng văn học dân gian.

Trong lịch sử đô thị, kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội đã có những tác động nhiều mặt, cả những mặt tích cực và những mặt tiêu cực. Đô thị Thăng Long - Hà Nội không chỉ có lịch sử phát triển hết sức lâu dài mà đã có những thời kỳ hàng thế kỷ liền nó được mở rộng và phát triển hết cỡ, nhưng sự mở rộng và phát triển ấy vẫn trên nền tảng cũ, kết cấu cũ. Thăng Long - Hà Nội xét cả về quy mô lẫn cấu trúc, nó thực sự là một đô thị Trung đại to lớn nhất, điển hình nhất của Việt Nam trên mọi phương diện.

4. Ngay trong thời điểm kinh tế hàng hóa và đô thị phát đạt nhất, nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Kẻ Chợ vẫn hoàn toàn chỉ là một nền kinh tế hàng hóa giản đơn với sự mở rộng đến tối đa các hoạt động sản xuất nhỏ và buôn bán nhỏ

Thăng Long là kinh đô của Đại Việt từ đầu thế kỷ XI và liên tục cho đến cuối thế kỷ XVIII. Kinh tế hàng hóa, chợ búa, phố phường ở Thăng Long cũng đã xuất hiện từ khi mới định đô và từng bước định hình, phát triển mà hầu như không có gián đoạn. Đến những thế kỷ XVI, XVII, đầu thế kỷ XVIII, kinh tế hàng hóa Thăng Long - Kẻ Chợ đã phát triển mạnh mẽ và bền vững, mà không một đô thị Đại Việt nào trong thời kỳ này có thể so sánh được. Nó có một gốc rễ nội tại khá sâu, chắc nên đã tồn tại được trong một thời gian dài. Trong khi đó, có những đô thị khác cùng thời như Phố Hiến và Hội An đã trội vượt lên trong một thời đoạn nhất định, nhưng rồi sớm bị tàn lụi đi khi những tác nhân bên ngoài không còn nữa.

Kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội

là một nền kinh tế phát triển khá toàn diện, cả trong nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, cả ở nội hạt lẫn các mối giao thương quốc tế. Sự liên hệ, đối thoại thường trực giữa thành thị và nông thôn, giữa khu vực nhân lõi (khu phố phường) với vùng ngoại vi đã giữ cho nền kinh tế đó cân đối, hài hoà, ổn định. Nó phát triển thịnh đạt cả về số lượng lẫn chất lượng. Khối lượng hàng hoá trao đổi trên thị trường và số người tham gia vào công việc sản xuất, trao đổi, lưu thông những hàng hóa đó đã giữ được những kỷ lục vượt trội. Cũng chính trong giai đoạn lịch sử này, do những kinh nghiệm tích lũy cũng như sự chuyển giao công nghệ, mà chất lượng hàng hóa ở đây đã đạt được một trình độ tinh xảo nhất cả về kỹ thuật lẫn mỹ thuật.

Cuối cùng, sự thịnh đạt năng động của nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Kẻ Chợ lúc này đã biểu hiện đồng bộ ở cả hai mặt: dân gian và nhà nước. Những người thợ thủ công, thương nhân Kẻ Chợ và đối tác của họ là những nông dân làng xã phụ cận có những cơ hội thuận tiện để phát huy những tiềm năng kinh doanh, sản xuất và buôn bán hàng hoá. Nhà nước phong kiến, mặc dù nhìn chung vẫn có một thái độ e dè, thận trọng, bảo thủ, nhưng cũng có những lúc tỏ ra cởi mở, thực tiễn và đổi mới, kể cả ở lĩnh vực mậu dịch đối ngoại. Đó chính là những nhân tố tích cực cho sự phát triển kinh tế hàng hóa Thăng Long - Kẻ Chợ.

Tuy nhiên, ngay cả ở đỉnh cao của sự phồn vinh thịnh đạt, nhìn chung, kinh tế hàng hóa Thăng Long - Kẻ Chợ vẫn còn nhiều mặt hạn chế, thể hiện ở chỗ nó đã không vượt được khỏi khuôn khổ một nền sản xuất - buôn bán nhỏ, mang tính chất phong kiến.

Về sản xuất, nhìn chung, các hoạt động

sản xuất thủ công nghiệp Thăng Long - Kẻ Chợ đã xuất phát và mang theo mô hình của một nền thủ công nghiệp nông thôn làng xã. Có thể nói trong thời kì này, các làng chuyên nghề ở nông thôn đã "tịnh tiến" ra đô thị để biến thành các phường chuyên nghề ở đô thị. Đó là một nền sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ mang tính chất gia đình. Kỹ thuật sản xuất ở đây vẫn là một kỹ thuật truyền thống, cha truyền con nối, nặng về kinh nghiệm và nhiều khi mang tính chất bí truyền. Do đó, qua hàng thế kỉ, hàng hóa làm ra ngày càng tinh xảo, nhưng vẫn không có một sự cải tiến đáng kể nào về kỹ thuật mang tính đột phá, nhất là những kỹ thuật thúc đẩy nâng cao năng suất và mở rộng quy mô sản xuất hàng hóa.

Trong quan hệ sản xuất, lực lượng lao động chủ yếu trong các xưởng thủ công vẫn là những người trong gia đình, trong những trường hợp cần thiết, có thể mở rộng tới các họ hàng. Trong một số các nghề thủ công sản xuất hàng hóa hàng loạt với khối lượng lớn (thí dụ: nghề gốm và nghề làm giấy) người ta đã thuê thêm thợ, theo chế độ làm thuê ăn lương (theo sản phẩm hoặc công nhật). Tuy nhiên, thợ thuyền ở đây chủ yếu vẫn là những bà con làng xóm, chứ không phải lao động chuyên nghiệp bán sức lao động như tầng lớp vô sản. Đó thực chất chỉ là những xưởng thủ công gia đình, mang tính chất phong kiến. Người chủ xưởng ở đây, bên cạnh việc điều hành quản lý, vẫn tham gia tích cực vào quy trình lao động, về kỹ thuật hoặc ngay cả trong nhiều khâu lao động chân tay trực tiếp. Tại Thăng Long - Kẻ Chợ không thấy có những người đứng ra bỏ vốn để thuê toàn bộ chủ và thợ của một cơ sở sản xuất, như những chủ bao mua của các công trường thủ công mang tính tư bản chủ nghĩa trong thời hậu kì

Trung đại ở Tây Âu.

Về lưu thông phân phối, đi cùng với một nền tiểu thủ công nghiệp sản xuất nhỏ, là những hoạt động buôn bán nhỏ, lưu thông phân phối nhỏ, chủ yếu dựa vào mạng lưới chợ và các cửa hàng của hiệu trong các phố phường. Hình thức trao đổi phần lớn là bán lẻ cho người tiêu thụ, trả tiền mặt, thậm chí là vật đổi vật. Tổng số hàng hóa trao đổi buôn bán trên thị trường là rất lớn, phong phú đa dạng, nhưng lại ít có những vụ việc bán buôn với khối lượng lớn, không có những giao dịch bằng tín phiếu.

Do vậy, tuy Kẻ Chợ là một cái chợ khổng lồ, nhưng cơ chế tích tiêu rất nhanh chóng, không có tích tụ hàng hóa cũng như tích tụ vốn. Không có tư bản tiền tệ, ngoại trừ những chủ cho vay nặng lãi.

Trong những thế kỉ này, nền kinh tế hàng hóa ở Thăng Long - Kẻ Chợ đã phá vỡ những khuôn khổ chật hẹp của một thị trường làng hoặc liên làng, vươn tới những thị trường vùng, liên vùng, khu vực. Tuy nhiên các hoạt động buôn bán đó vẫn không tạo lập được một thị trường giao thương toàn quốc.

Những hoạt động buôn bán với người nước ngoài có những lúc tấp nập nhộn nhịp, nhưng vẫn mang tính chất thụ động một chiều. Thực chất những hoạt động buôn bán này chỉ là những vụ việc bán hàng gia công hoặc thu gom hàng hoá theo thời vụ, nhiều khi mang tính chất lén lút, ẩn lậu, mà chưa phải là những giao dịch kinh doanh chính thức, công khai, chủ động. Đây rõ ràng không phải một nền ngoại thương đích thực theo đúng nghĩa của nó, mà chỉ là những hoạt động buôn bán tại chỗ với người nước ngoài mà thôi.

Thăng Long - Kẻ Chợ trong thời kì phát triển thịnh đạt nhất cũng vẫn chỉ là một

tập hợp kinh tế của những làng chuyên nghề khu vực châu thổ sông Hồng và ven đô, những phố chuyên mặt hàng. Nhưng nhìn tổng quát, bản thân Thăng Long - Kẻ Chợ lại không phải một đô thị sản xuất một mặt hàng chuyên hoặc buôn bán những hàng hoá đặc sản. Nó bị chia vụn ra thành trăm thứ ngành nghề, cái gì cũng có, nhưng lại không có chuyên một thứ gì với khối lượng lớn. Tính chất của kết cấu kinh tế "chuyên về vi mô mà không chuyên về vĩ mô" đó của Thăng Long - Kẻ Chợ đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển đô thị, không tạo được một sức bật kinh tế mang tính quyết định.

Dấu sao thì kinh tế hàng hóa Thăng Long - Kẻ Chợ vẫn là mũi nhọn của kinh tế hàng hoá Việt Nam, cùng với nền văn hóa phi quan phương mang tính nhân văn - khai phóng, đã tạo nên một thực thể xã hội đối trọng như một lực đẩy cấp tiến, mặc dù không làm chuyển đổi hay công phá được mô hình thiết chế - hệ tư tưởng của chế độ phong kiến nhà nước quan liêu, nhưng đã làm nó chao đảo, xô lệch đi, tạo nên một độ chênh lớn, dẫn tới cuộc khủng hoảng cơ cấu của chế độ phong kiến trong giai đoạn hậu kỳ.

5. Chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ đã có sự hình thành và phát triển của kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa trong nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội cuối thời Trung đại

Thông thường cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến ở cuối thời Trung đại bao giờ cũng đi liền với sự hình thành và phát triển của mầm mống tư bản chủ nghĩa trong lòng xã hội phong kiến. Nói một cách khác, yếu tố kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa đến độ trưởng thành là nguyên nhân gây nên tình trạng khủng hoảng của chế độ

phong kiến. Nét khác biệt của cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam tính từ những năm 30 của thế kỷ XVIII dường như không có tác động của kinh tế hàng hoá tư bản chủ nghĩa, ngay cả ở trung tâm sản xuất và trao đổi hàng hóa lớn nhất là Thăng Long.

Trên một mặt bằng kinh tế nhìn chung là khá thấp của nông nghiệp lạc hậu và nền sản xuất nhỏ bao trùm gần như trong toàn quốc, trong quá trình hình thành và phát triển, kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội còn luôn luôn bị kìm hãm bởi hai lực cản, nứu kéo chính là bộ máy nhà nước phong kiến quan liêu và cộng đồng các làng xã.

Trên thế giới, thời kỳ từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII là thời kỳ bùng nổ và thắng lợi của cách mạng tư sản, chấm dứt chế độ phong kiến, khẳng định sự thống trị của chế độ tư bản. Trong khi đó ở Việt Nam chính quyền nhà Mạc và Lê - Trịnh và Nguyễn sau này, tất cả đều là các chính quyền phong kiến nhà nước quan liêu, với nền tảng tư tưởng, ý thức hệ cơ bản là trọng nông ức thương. Ở Thăng Long - Hà Nội, nhà nước phong kiến không cho phép tồn tại một tầng lớp thương nhân, phú thương nắm giữ vai trò chính yếu trong đô thị. Chính sách công tượng, đánh thuế thổ sản với mức nặng và thuế tuần ty với nạn hà lạm, chính sách nhà nước độc quyền ngoại thương đi kèm tệ tham nhũng chính là những vật cản cho sự phát triển tự do của nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội.

Ở đầu bên kia, cộng đồng các làng xã cũng tăng cường sức ép, khống chế đối với nền kinh tế hàng hóa đô thị. Kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội không thể nào tồn tại được một cách độc lập nếu không có sự bảo trợ, tiếp ứng của những người sản

xuất nhỏ trong các thôn làng nông thôn phụ cận. Cộng đồng các làng xã còn níu kéo nền kinh tế hàng hóa đô thị cả ở mặt tư tưởng, tâm lý văn hóa. Những người nông dân châu thổ sông Hồng trước sau vẫn chỉ cố sức duy trì một nền “kinh tế mưu sinh”(3) mà không quan tâm đến “kinh tế mưu lợi”. Họ sản xuất, làm ăn buôn bán chỉ cần đủ để ăn, hoặc hơn nữa là khá giả. Tâm trí họ tập trung vào những lợi ích và giá trị tinh thần (như địa vị trong cộng đồng xã hội hoặc là để lại phúc đức cho con cái). Tâm thức văn hóa đó không thể nào kích thích được một nền kinh tế hàng hóa phát triển.

Nhìn một cách tổng thể, quy mô và mức độ phát triển của nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội thời kỳ khủng hoảng của chế độ phong kiến là bất cập. Tuy vẫn duy trì được nhịp độ phát triển, nhưng đến thế kỷ XIX nó hoàn toàn không tương xứng với tiềm năng và lợi thế vốn có của nó. Về khía cạnh này, nhất là trong lĩnh vực ngoại thương với các thị trường xa, đã có một bước lùi lịch đại, nếu so với những thế kỷ XVII - XVIII trước đó, khi các tàu buôn đã tấp nập ra vào Thăng Long - Kẻ Chợ, những thương điểm ngoại quốc ở Kẻ Chợ nhận nhịp các hoạt động giao dịch buôn bán. Nó cũng là một sự tụt hậu so với mặt bằng đồng đại của sự phát triển nền kinh tế hàng hóa đô thị trong các quốc gia lân cận thuộc khu vực lúc bấy giờ, càng ở một mức độ thấp kém khá xa nếu so với toàn cảnh thế giới trong thế kỷ XIX.

Về kinh tế, dù đã có lịch sử phát triển lâu dài, kinh tế hàng hóa Hà Nội thế kỷ XIX vẫn không vượt được ngưỡng của một nền sản xuất nhỏ - buôn bán nhỏ, mà chủ yếu ở đây là nền tiểu thủ công nghiệp gia đình và mạng lưới chợ - phố. Buôn bán lớn đường dài liên vùng của thương nhân người

Việt rất bị hạn chế. Vẫn tiếp tục phương thức ngoại thương một chiều và giới hạn ở những giao dịch nhỏ của những nông dân và thợ thủ công sản xuất gia công cho các thương nhân người Hoa. Ngoại thương vượt biển (rất hạn chế) hoặc do nhà nước nắm độc quyền hoặc bị các phú thương Hoa kiêu lũng đoạn. Hầu như không có những thương nhân người Việt ở Hà Nội đem hàng hoá đi buôn bán ở nước ngoài.

Về chính trị, kinh tế hàng hóa Hà Nội thế kỷ XIX đã không thoát khỏi sự kìm hãm và kiểm soát ngặt nghèo của chế độ phong kiến nhà nước quan liêu. Nhà Nguyễn với quan điểm “ức thương” chính thống, dù không trực tiếp đóng đô ở Hà Nội nhưng vẫn khống chế chặt chẽ nền kinh tế hàng hóa của đô thị này trên mọi phương diện. Ngoài ra, còn có những tệ nạn hối lộ, sách nhiễu, hà lạm của giới quan liêu thuộc lại. Có thể nói rằng kinh tế hàng hóa Hà Nội thế kỷ XIX chưa thoát ra khỏi cái vòng kìm cô của chính quyền phong kiến để có thể phát triển tự do như thực tế đã từng xảy ra trong các thành thị Trung đại Tây Âu.

Về mặt xã hội, kinh tế hàng hóa đô thị Hà Nội cũng đã không vượt được quỹ đạo áp chế và níu kéo của cộng đồng các làng xã nông thôn và khối nông dân phụ cận. Mạng lưới chợ nông thôn đã tràn vào chiếm lĩnh phố phường Hà Nội. Đô thị Hà Nội cho đến những thập kỷ cuối của thế kỷ XIX, vẫn không hình thành được một tầng lớp đại thương, với sự tích tụ vốn và tích tụ hàng hoá, cũng như một tầng lớp chủ bao mua các công trường thủ công tư bản chủ nghĩa, không thể nào có được một quá trình tích lũy nguyên thủy tư bản chủ nghĩa.

Cuối cùng, về mặt tư tưởng - văn hóa, sự áp chế của ý thức hệ Nho giáo phong kiến

cũng như tâm lý xã hội quần chủ cũng đã có những tác động không nhỏ góp phần tạo nên sự trì trệ của nền kinh tế hàng hoá đô thị Hà Nội trong thế kỷ XIX. Nhà nước phong kiến Nguyễn duy trì một chủ nghĩa Nhà nước toàn trị, kiên trì một đường lối “ức thương” chính thống và khắt khe hơn những chính quyền Mạc, Lê - Trịnh trước đó. Tất cả những quan điểm tư tưởng đó đã có những tác động tiêu cực đến sự phát triển của kinh tế Hà Nội và những nền tảng hội nhập quốc tế.

Về mặt quân chúng tâm lý xã hội và bậc thang giá trị cũng cản trở những hoạt động kinh doanh lớn của khối thị dân Hà Nội. Việc buôn bán làm giàu của họ chỉ được coi như một phương tiện để đạt tới mục đích, ước muốn là giao kết và gia nhập đẳng cấp quan liêu. Tâm lý hướng thượng, trọng sĩ và trọng hoạn của giai tầng trưởng giả Hà Nội đã không khuyến khích sự tích tụ của cải mà là hướng tới địa vị xã hội cao sang.

Tóm lại, nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội ngay cả ở trong giai đoạn phát triển thịnh đạt nhất cũng như trong thời kỳ khủng hoảng của chế độ phong kiến, hoàn toàn không thể vượt ra khỏi cái vỏ cứng chật hẹp của một nền sản xuất - buôn bán nhỏ, mang tính phong kiến và đậm chất nông thôn. Không có một nền sản xuất lớn, lưu thông lớn cũng như chưa thấy xuất hiện một tầng lớp đại phú thương người Việt. Cho đến trước khi Hà Nội trở thành nhượng địa của thực dân Pháp, nền kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội vẫn hoàn toàn chỉ là nền kinh tế phong kiến. Chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ đã xuất hiện một nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa trong lòng đô thị Thăng Long - Hà Nội Trung đại.

Thăng Long - Hà Nội suốt nghìn năm liên tục là trung tâm kinh tế của đất nước, là một “thành thị già”, sinh thành và phát triển cùng với quá trình hình thành và xác lập quan hệ sản xuất phong kiến với đặc điểm riêng của phương Đông và Việt Nam và trên nền tảng kinh tế xã hội tiểu nông lúa nước. Chính thực tế này đã dẫn đến một hệ quả mà như C. Mác đã từng tổng kết trong *Lời nói đầu [Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị]* là: “Công nghiệp đem áp dụng những nguyên tắc tổ chức nông nghiệp vào thành thị và vào các mối quan hệ của thành thị” (4). Ở đây không có sự đối lập mà trái lại là sự hoà đồng giữa thành thị và nông thôn. Thăng Long ở giai đoạn phát triển cực thịnh của nó có thể được hình dung giống như một cái chợ khổng lồ, trong đó có sự kết hợp chặt chẽ giữa các làng chuyên thủ công và mạng lưới chợ, có độ đậm đặc về số dân, hoạt động sản xuất và nhịp độ trao đổi lớn hơn bất cứ một khu vực nào khác trong phạm vi toàn quốc. Đây là một kết cấu hợp lý, bền vững, rất ít biến đổi, và mặc nhiên, nó không tránh khỏi bảo thủ và trì trệ. Có lẽ vì thế chẳng mà trải qua ngàn năm kết cấu kinh tế đô thị Thăng Long vẫn hầu như không có sự thay đổi căn bản, làm cho Thăng Long luôn giữ vững vị trí trung tâm kinh tế, nhưng lại không thể đột khởi trở thành một trung tâm kinh tế tự do kiểu thành thị phương Tây cuối thời Trung đại.

Mặt mạnh của kinh tế hàng hóa, cũng chính là mặt mạnh của đô thị, của truyền thống, của xã hội và văn hóa Thăng Long - Hà Nội. Trái lại, mặt yếu của nó, hay nói đúng ra là những tác động tiêu cực của một nền sản xuất hàng hóa nhỏ, buôn bán nhỏ, vật vãnh, tuy tiện đã và sẽ còn là chướng ngại vật khổng lồ của Thủ đô trên con đường tiến lên Văn minh, Hiện đại.

(Xem tiếp trang 79)

nhưng trái lại tôi có cảm giác rằng những nỗ lực nhằm nâng cao năng lực học tập của sinh viên hầu như rất mờ nhạt. Cũng có phương diện mà ở đó khả năng học tập của sinh viên có thể được nâng cao nhờ năng lực giảng dạy tốt của giáo viên, nhưng tất cả lại không phải là như vậy. Để nâng cao năng lực học tập của sinh viên thì rất cần sự tăng cường những điều kiện trợ giúp cho học tập kể cả ngoài giờ học, và cũng không thể thiếu sự nâng cao năng lực và trao quyền hạn cho các nhân viên hỗ trợ để thực hiện điều đó. Nói một cách cụ thể thì có rất nhiều điểm gây khó hiểu cho các sinh viên trong việc đặt ra những nghĩa vụ cố định mà các giáo viên và các viên chức sự vụ thực hiện; thái độ hợp tác giữa hai bên phải chăng cũng là vấn đề của chúng ta. Đây được coi là vấn đề về văn hóa tổ chức, có khả năng và khó khăn chung tại châu Á.

Cuối cùng tôi muốn trình bày về ý nghĩa mà chương trình này của Đại học Tokyo đã để lại trong tâm trí các lưu học sinh. "Vấn đề chuyển đổi" được trình bày cho tới bây giờ là vấn đề về sự thay đổi từ giai đoạn giáo dục trung học lên giáo dục đại học, nhưng đối với các lưu học sinh thì còn có thêm vấn đề chuyển đổi về mặt địa lý (di chuyển). Sự chuyển đổi về mặt địa lý sẽ dẫn đến sự chuyển đổi về ngôn ngữ và văn hóa. Để thực hiện sự hợp tác và liên kết quốc tế giữa các trường đại học châu Á bằng hình thức trao đổi sinh viên thì cần thiết phải xử lý tốt vấn đề chuyển đổi của các lưu học sinh (với những trường đại học ở Mỹ dùng chung một ngôn ngữ là tiếng Anh thì tình hình lại khác). Tôi thiết nghĩ khi các trường đại học ở châu Á đang hướng tới sự quốc tế hóa, thì việc bàn luận về "vấn đề chuyển đổi" từ góc nhìn này là rất có ích.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, BIẾN CHUYỂN VÀ NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG...

(Tiếp theo trang 15)

CHÚ THÍCH

(1). Chiều dài đô của Lý Thái Tổ. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 241.

(2). Có thể nói như vậy khi đọc mô tả sau đây của người trong cuộc:

"Lò Thạch Khối khói tuôn nghi ngút,

Ghềnh Nhật Chiêu sóng gập gềnh ồ,

Rập rềnh cuối bãi Đuôi Nheo, thuyền thương khách hầy chen buồm bướm bươm,

Thanh lãnh đầu hồ Cổ Ngựa, tháp cao tăng còn hé cửa tò vò.

Chày Yên Thái nện trong sương chênh choảng,

Lời Nghi Tàm ngân ngọn nước quanh co.

Liều bờ kia bay tơ biếc phát phơ, thoi oanh ghẹo hai phường dệt gấm,

Sen vũng nọ nảy tiền xanh lác dác, lửa dóm ghen năm xã gây lò..."

(Nguyễn Huy Lượng: *Tụng Tây Hồ phú*. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập III. Nxb. Văn học, Hà Nội, 1978, tr. 239-240.

(3). Thuật ngữ của Piere Gourou trong *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 2003.

(4). C. Mác: Lời nói đầu trong *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*. *Tuyển tập*, tập II, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981, tr 625.